令和 4 33013

ビル街地区 / 道路を中心として全地域 / 北側全地域
高度商業地区 / 全地域 / 道路沿い
繁華街地区 / 南側道路沿い / 南側全地域
普通商業・併用住宅地区 / 全地域 / 北側全地域 南側道路沿い
中小工場地区 / 北側道路沿い 南側全地域 / 北側道路沿い
大工場地区 / 南側全地域 / 北側全地域
普通住宅地区 / 無印は全地域

記号	借地権割合
A	90%
B	80%
C	70%
D	60%

記号	借地権割合
E	50%
F	40%
G	30%

北 西 東 南

33010 / 33012 当図 / 33016

目黒区（目黒署）

令和 4 33013

渋谷署管内

猿楽町 / 恵比寿西１丁目 / 渋谷区 / 駒沢通り / 恵比寿南３丁目 / 目黒区 / 上目黒１丁目 / 上目黒３丁目 / 中目黒１丁目 / 中目黒２丁目 / 上目黒２丁目 / 中目黒駅 / 東急東横線 / 東京メトロ日比谷線 / 目黒川 / 中目黒陸橋 / 目黒通り / 新駒沢橋 / 駒沢通り / 区立中目黒一丁目児童遊園 / 区立駒沢通り公園 / 区立中目黒公園 / 区立中目黒小学校 / 区立中目黒児童館 / 区立中目黒図書館 / 別所坂 / 宿山橋 / 権之橋 / 滝前橋 / 目の出橋 / 証拠橋 / 室木橋 / 豊橋 / 中目黒陸橋

810C 870C 800C 800C 790C 800C 830C 790C 790C 860C 790C 850C 960C 960C 990C 660C 660C 850C 990C 760C 740C 750C 750C 780C 840C 840C 1,250C 1,300C 1,330C 620C 600C 590C 600C 480C 640C 610C 610C 640C 730C 700C 630C 600C 650C 560C 620C 540C 580C 510C 640C 590C 620C 570C 1,070C 1,770C 960C 1,800C 920C 2,120C 640C 2,410C 790C 970C 830C 890C 2,570C 890C 1,130C 1,020C 2,850C 1,910C 2,370C 1,340C 690C 3,360C 1,670C 940C 1,620C 3,180C 1,170C 1,500C 3,530B 1,040C 1,420C 2,990C 1,110C 2,040B 2,430B 740C 890C 1,530C 2,080C 1,330C 690C 2,290C 2,210C 1,470C 740C 840C 630C 580C 1,130C 550C